

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 12 năm 2017

Số: 159/TB-TTPY

THÔNG BÁO

Bảng giá dịch vụ giám định trong lĩnh vực pháp y

Căn cứ Quyết định 01/2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp;

Căn cứ theo Quyết định 31/2015/TT-BYT ngày 14 tháng 10 năm 2015 quy định việc áp dụng chế độ bồi dưỡng, thời gian và số người thực hiện giám định đối với từng loại việc giám định pháp y, pháp y tâm thần;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y.

Trung tâm Pháp y Đà Nẵng kính thông báo bảng giá dịch vụ giám định trong lĩnh vực pháp y cụ thể như sau:

I. BẢNG GIÁ DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH PHÁP Y

TT	Loại việc giám định	Tổng số tiền	Trong đó	
			Tiền chi phí giám định theo Thông tư số 34/2014/TT-BTC	Tiền bồi dưỡng theo Quyết định 01/2014/QĐ-TTg và Thông tư số 31/2015/TT-BYT
1	Giám định thương tích			
	- Giám định lần đầu	1.215.000	535.000	680.000
	- Giám định cho đối tượng bị nhiễm HIV/AIDS	2.235.000	535.000	1.700.000
	- Giám định lại thương tích	1.555.000	535.000	1.020.000
	- Giám định lại cho đối tượng bị nhiễm HIV/AIDS	3.085.000	535.000	2.550.000
2	Giám định tình dục	1.345.000	665.000	680.000
3	Giám định hung khí (xác định vật gây thương tích)	1.670.000	140.000	1.530.000
4	Giám định qua hồ sơ bệnh án			
	- Giám định qua hồ sơ lần đầu	2.450.000	410.000	2.040.000
	- Giám định lại qua hồ sơ bệnh án	4.235.000	410.000	3.825.000
5	Hội chẩn chuyên môn sâu	1.750.000	640.000	1.110.000

6	Giám định tử thi			
a	Giám định không mổ tử thi			
	- Tử thi chết trong vòng 48 giờ	2.930.000	890.000	2.040.000
	- Tử thi chết ngoài 48 giờ đến 07 ngày	3.690.000	970.000	2.720.000
	- Tử thi chết quá 07 ngày	4.290.000	890.000	3.400.000
	- Tử thi chết bị nhiễm HIV/AIDS	4.290.000	890.000	3.400.000
b	Giám định phải mổ tử thi			
	- Tử thi chết trong vòng 48 giờ	6.580.000	1.480.000	5.100.000
	- Tử thi chết ngoài 48 giờ đến 07 ngày	9.980.000	1.480.000	8.500.000
	- Tử thi chết quá 07 ngày	11.630.000	1.430.000	10.200.000
	- Tử thi chết bị nhiễm HIV/AIDS	16.780.000	1.480.000	15.300.000
7	Cận lâm sàng phục vụ giám định pháp y			
	- Điện não đồ		140.000	
	- Siêu âm		90.000	
	- X- Quang		80.000	
	- Điện tâm đồ		75.000	

Nơi nhận:

- BGD;
- Lưu:VT, TCHC.



GIÁM ĐỐC

Mai Xuân Ngọc

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành biểu thu Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực Pháp y

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁP Y THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 07/4/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Pháp y thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 8619/BYT-KH-TC, ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thu phí giám định tư pháp từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Công văn số 18588/BTC-CST, ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc thu chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y;

Căn cứ Công văn số 9293/BYT-KH-TC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thu phí giám định tư pháp từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ biểu phí được ban hành kèm theo Thông tư 34/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực Pháp y,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Người nộp Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi nộp hồ sơ trung cầu giám định phải nộp Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y đối với các vụ án hình sự.

2. Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ yêu cầu trung cầu giám định phải nộp Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

3. Người yêu cầu giám định là thương binh, thân nhân liệt sĩ, người bị nhiễm chất độc da cam, người nghèo, người già cô đơn, không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, khuyết tật không phải nộp chi phí giám định tư pháp. Khoản chi phí này do ngân sách nhà nước chi trả.

Điều 2. Mức thu Chi phí

Mức thu Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực Pháp y: được tạm áp dụng theo biểu thu được quy định tại Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực Pháp y,

Điều 3. Quyết định này là cơ sở để thu Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực Pháp y, trong thời gian Bộ Tài chính chưa kịp xây dựng và ban hành biểu giá thu chi phí giám định mới.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngay khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư mới về biểu chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực Pháp y thì Quyết định này hết hiệu lực. /

Nơi nhận:

- Ban GD;
- Lưu: VT, TCHC-TV.

GIÁM ĐỐC



Mai Xuân Ngọc

BIỂU CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TỬ PHÁP TRONG LĨNH VỰC PHÁP Y

(Ban hành theo Quyết định số 56/QĐ-TTPY ngày 30/12/2016 của Trung tâm Pháp y thành phố Đà Nẵng)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Giám định tổng hợp:		
1.1	Giám định sức khỏe	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.1	Giám định tổn hại sức khỏe	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.2	Giám định sức khỏe và xác định vật gây thương tích	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.3	Giám định lại tổn hại sức khỏe	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.4	Giám định sức khỏe trước khi thi hành án tử hình	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.5	Giám định hồ sơ (khi người được giám định đã chết)	Đồng/trường hợp	480.000
1.2	Giám định hiệp dâm	Đồng/trường hợp	665.000
1.3	Giám định tuổi	Đồng/trường hợp	505.000
1.4	Giám định giới tính	Đồng/trường hợp	505.000
1.5	Khám sức khỏe tiền hôn nhân	Đồng/trường hợp	245.000
1.6	Giám định vật gây thương tích		
1.6.1	Giám định vật gây thương tích	Đồng/trường hợp	480.000
1.6.2	Giám định xác định vật gây thương tích	Đồng/trường hợp	140.000
1.7	Hội chẩn các chuyên ngành		
1.7.1	Hội chẩn các chuyên ngành trên hồ sơ	Đồng/trường hợp	505.000
1.7.2	Hội chẩn các chuyên ngành có mặt người được giám định	Đồng/trường hợp	640.000
1.8	Giám định Hội đồng cấp bộ		
1.8.1	Giám định Hội đồng cấp bộ trên hồ sơ	Đồng/trường hợp	715.000
1.8.2	Giám định Hội đồng cấp bộ có mặt người được giám định	Đồng/trường hợp	845.000
2	Giám định Tử thi - Hài cốt:	Đồng/trường hợp	
2.1	Giám định tử thi		
2.1.1	Giám định tử thi chết dưới 48 giờ	Đồng/trường hợp	1.480.000
2.1.2	Giám định tử thi chết từ 48 giờ đến 7 ngày, hoặc còn trong 48 giờ nhưng phải khai quật	Đồng/trường hợp	1.480.000
2.1.3	Giám định tử thi để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày nhưng phải khai quật	Đồng/trường hợp	1.430.000



2.1.4	Giám định tử thi để quá 7 ngày mà phải khai quật	Đồng/trường hợp	1.430.000
2.1.5	Giám định không phải mổ tử thi dưới 48 giờ	Đồng/trường hợp	890.000
2.1.6	Giám định không mổ tử thi từ 48 giờ đến 7 ngày, hoặc còn trong 48 giờ nhưng phải khai quật	Đồng/trường hợp	970.000
2.1.7	Giám định không mổ tử thi để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày mà phải khai quật	Đồng/trường hợp	890.000
2.1.8	Giám định không mổ tử thi để quá 7 ngày mà phải khai quật	Đồng/trường hợp	890.000
2.1.9	Giám định tử thi bằng chụp XQ	Đồng/trường hợp	910.000
2.1.10	Giám định tử thi bằng chụp Scanner	Đồng/trường hợp	1.790.000
2.1.11	Giám định tử thi bằng chụp cộng hưởng từ (MRI)	Đồng/trường hợp	2.390.000
2.1.12	Giám định tử thi bằng chụp 3D	Đồng/trường hợp	3.390.000
2.1.13	Giám định sau khi thi hành án tử hình	Đồng/trường hợp	730.000
2.2	Giám định hài cốt	Đồng/trường hợp	1.610.000
2.3	Giám định hồ sơ		
2.3.1	Giám định hồ sơ	Đồng/trường hợp	410.000
2.3.2	Giám định hồ sơ và tang vật	Đồng/trường hợp	535.000
2.4	Thực nghiệm phục vụ Giám định pháp y	Đồng/trường hợp	2.790.000
2.5	Giám định chết não, thu giữ mô, tạng hiến tặng	Đồng/trường hợp	2.860.000
2.6	Lưu giữ bảo quản tử thi	Đồng/trường hợp	2.760.000
3	Giám định hóa pháp		
3.1	Xử lý mẫu	Đồng/mẫu	455.000
3.1.2	Chất độc bay hơi (01 chất), định lượng Ethanol (phương pháp sắc ký khí phải qua xử lý)	Đồng/mẫu	615.000
3.1.3	Phương pháp sắc ký khí (GC)	Đồng/mẫu	610.000
3.2	Các chất độc hữu cơ:	Đồng/mẫu	
3.2.1	Phương pháp hóa học 01 chất	Đồng/mẫu	400.000
3.2.2	Phương pháp quang phổ tử ngoại	Đồng/mẫu	200.000
3.2.3	Sắc ký lớp mỏng	Đồng/mẫu	200.000
3.2.4	Phương pháp sắc ký khí	Đồng/mẫu	610.000
3.2.5	Phương pháp sắc ký lỏng	Đồng/mẫu	605.000
3.2.6	Phương pháp sắc ký khí - khối phổ	Đồng/mẫu	1.000.000

3.2.7	Phương pháp sắc ký lỏng - khối phổ	Đồng/mẫu	1.035.000
3.2.8	Phương pháp sinh vật (thử độc tính bất thường)	Đồng/mẫu	400.000
3.3	Các chất vô cơ:		
3.3.1	Phương pháp sấy nung	Đồng/mẫu	600.000
3.3.2	Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử một nguyên tố	Đồng/mẫu	600.000
3.3.3	Xác định các chất gây nghiện bằng phương pháp sắc ký lỏng (HPLC) phải qua xử lý	Đồng/mẫu	600.000
3.3.4	Chi phí khác	Đồng/mẫu	445.000
4	Giám định Mô bệnh học		
4.1	Giám định Mô bệnh học (trường hợp ≤ 5 mẫu)	Đồng/trường hợp	790.000
4.2	Giám định Mô bệnh học (trường hợp > 5 mẫu)	Đồng/trường hợp	1.010.000
5	Lưu trữ bảo quản mô ghép (ngân hàng mô)	Đồng/trường hợp	73.180.000
6	Giám định ADN		
6.1	Giám định ADN (ADN trong nhân)		
6.1.1	Giám định ADN (ADN trong nhân 01 mẫu)	Đồng/trường hợp	3.310.000
6.1.2	Giám định ADN (ADN trong nhân 03 mẫu)	Đồng/trường hợp	9.930.000
6.1.3	Giám định ADN (ADN trong nhân 02 mẫu)	Đồng/trường hợp	8.950.000
6.2	Giám định ADN ty thể của 01 mẫu	Đồng/trường hợp	4.685.000
6.3	Giám định dấu vết sinh học (lông, tóc, máu, tinh trùng...) của 01 mẫu	Đồng/trường hợp	3.310.000
6.4	Giám định nhiễm sắc thể giới tính của 01 mẫu	Đồng/trường hợp	660.000
7	Lưu trữ ADN (ngân hàng và tàng thư ADN):		
7.1	Phân tích và lưu trữ mật mã ADN trong nhân (Tàng thư ADN)	Đồng/mẫu	3.280.000
7.2	Phân tích và lưu trữ mật mã ADN ty thể (Tàng thư ADN)	Đồng/mẫu	4.345.000
7.3	Lưu trữ ADN (ngân hàng ADN)	Đồng/mẫu	73.230.000
8	Cận lâm sàng phục vụ giám định pháp y:		
8.1	Điện não đồ	Đồng/trường hợp	140.000
8.2	Siêu âm	Đồng/trường hợp	
8.2.1	Siêu âm 2D	Đồng/trường hợp	90.000



8.2.2	Siêu âm 3D, 4D	Đồng/trường hợp	180.000
8.3	Điện tâm đồ	Đồng/trường hợp	75.000
8.4	X. Quang thông thường	Đồng/trường hợp	80.000
8.5	Chụp CT Scanner	Đồng/trường hợp	960.000
8.6	Chụp cộng hưởng từ (MRI)	Đồng/trường hợp	1.560.000
8.7	Chụp cắt lớp 3D (MSCT: Multislice Computed Tomography)	Đồng/trường hợp	2.560.000